

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021-HNGĐ- ST

Ngày: 30/3/2021

*V/v: " Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn "*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lại Thị Diệu Thúy

**** Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Lê Thị Hằng

2. Bà Đặng Thị Thỏ

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa.

Ngày 30/ 3/ 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Bỉm Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/ TLST- HNGĐ ngày 10/ 11 /2020 về việc:
" Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/ 2021/ QĐXXST- HNGĐ ngày 12/ 3/ 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 198*

Hộ khẩu TT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã NB, huyện NS, tỉnh TH(Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 198*

Hộ khẩu TT và chỗ ở hiện nay: Đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố 12, phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh hóa.

NHẬN THẤY

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/11/ 2020 và bản tự khai ngày 12/11/2020, Nguyên đơn là chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu

thuần do anh T không tu chí làm ăn để chị lo toan một mình, mọi công việc chi tiêu, chăm lo cho con cái học hành và nuôi chồng đều do một mình chị phải lo hết. Duy nhất có một năm anh T đi làm tại mỏ đá ở Hà Tĩnh, và kể từ đó cho đến nay anh T không làm gì cả, suốt ngày chỉ nằm lỳ ở trong phòng, thi thoảng anh T phóng xe máy đi chơi. Mọi công việc trong gia đình chị T phải lo hết cho cả anh T và hai con. Thi thoảng anh T còn chơi lô và đề, nợ nần chồng chất, chị T phải đi trả góp cả lãi và gốc ở công ty tài chính cho anh T trong 24 tháng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mỗi khi chị T góp ý với anh T để anh thay đổi, anh T đe dọa chị T và bố mẹ để chị T. anh T đe dọa: " Loằng ngoằng tao giết cả nhà mày". Chị T đã cho anh T rất nhiều cơ hội để khắc phục thiếu sót nhưng anh T không thay đổi. Nay chị T và anh T đã sống ly thân 02 năm cho đến nay, chị T không còn tình cảm với anh T vì cuộc sống quá cực khổ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống và tư tưởng nuôi dạy con cái trưởng thành.

- Về phần con chung: Chị T và anh T có 02 con chung. Cháu đầu tên Nguyễn Trường Minh(nam), sinh ngày 20/ 12/ 2013.Cháu thứ hai tên Nguyễn Trường Chinh(nam), sinh ngày 14/ 6/ 2016. Ly hôn nguyện vọng của chị T xin nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Chị T không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị T và anh T không có tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung và khoản vay nợ: Chị T và anh T không có cho ai nợ và nợ ai khoản nào chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Anh T gây khó khăn cản trở, giật xé hồ sơ chống đối không đến làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh T về việc chị T xin ly hôn anh. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị T tại các buổi làm việc và vắng mặt anh T. Tòa án hoãn phiên hòa giải lần một để đảm bảo quyền lợi cho anh T theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án tiếp tục các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản đã được Tòa án niêm yết công khai tại nơi anh T đang sinh sống cùng gia đình và UBND phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn nơi anh T có hộ khẩu thường trú.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T và xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Tài sản chung không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh T có mặt tại phiên tòa và có nguyện vọng: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T kiên quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung anh T xin nuôi dưỡng 01 cháu và Tòa án giao cho anh cháu nào cũng được. Chị T không nuôi dưỡng được thì anh xin nuôi cả 02 cháu và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không có gì nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về phần con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Trường Minh(nam), sinh ngày 20/ 12/ 2013 và cháu Nguyễn Trường Chinh(Nam), sinh ngày 14/ 6/ 2016 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về tố tụng: Việc chị Đinh Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng ly hôn của chị Đinh Thị T là hoàn toàn phù hợp, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T không có hạnh phúc ngay từ sau khi kết hôn đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh T không tu chí làm ăn. Từ khi kết hôn anh T chỉ đi làm ở trong mỏ đá Hà Tĩnh 01 năm. Kể từ thời gian đó cho đến nay anh T không làm gì. Mọi công việc trong gia đình chăm lo cho hai con và nuôi chồng đều do một mình chị T lo toan và gánh vác, vất vả một mình. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh T đã sống ly thân hai năm cho đến nay không

ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án. Anh T giật xé hồ sơ nhằm mục đích gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và gây khó khăn cho chị T trong việc xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập và tiến hành hòa giải rất nhiều lần. Anh T không hợp tác để giải quyết công việc và thể hiện quan điểm của mình. Đến nay chị T kiên quyết xin ly hôn anh T, chứng tỏ tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Đinh Thị T với anh Nguyễn Văn T.

[3].Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu là Nguyễn Trường Minh(nam), sinh ngày 20/ 12/ 2013. Cháu thứ hai Nguyễn Trường Chinh(nam), sinh ngày 14/ 6/ 2016. Nguyên vọng của chị T tha thiết xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, vợ chồng có hai con chung, các cháu đang còn rất nhỏ. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Trường Minh xin tha thiết được ở với mẹ. Từ nhỏ các cháu được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc và đã quá quen với sự ổn định về tư tưởng, cảm xúc, sinh hoạt, nơi sinh sống và học tập. Chính vì vậy không nên làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của hai cháu và tách hai cháu phải xa nhau. Mặt khác, chị T có công ăn việc làm ổn định tại UBND xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa với mức thu nhập ổn định hàng tháng. Ngoài ra vào các ngày nghỉ cuối tuần và ngoài giờ hành chính chị T còn làm thêm nghề phụ đan cói, nuôi lợn để nhập cho lò mổ hàng năm tăng thêm thu nhập nuôi dưỡng các con ăn học.

Về phía anh T tại phiên tòa cũng có nguyên vọng tha thiết xin nuôi dưỡng 01 con chung. Xét về công việc anh T đang làm việc xa nhà tại tỉnh Bình Dương, điều kiện nhà ở tại nơi làm việc hiện nay anh T chưa có nhà và đang mượn nhà của bạn anh T tại Bình Dương. Anh T làm nghề tự do, không có sự ổn định về thu nhập hàng tháng. Công việc của anh T không thể ổn định bằng công việc của chị T. Vì hai cháu còn nhỏ, rất cần sự ổn định về điều kiện sống và được phát triển ở một môi trường tốt, lành mạnh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 cháu Nguyễn Trường Minh và Nguyễn Trường Chinh cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh T không có tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; 57; Điều 81; 82; 83 ; 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30 /12/ 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

* Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

* Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Trường Minh(nam), sinh ngày 20/ 12/ 2013 và cháu Nguyễn Trường Chinh(nam), sinh ngày 14/ 6/ 2016 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi hai cháu đủ(18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, chị Đinh Thị T không được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

* Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số:

AA/ 2019/ 0007108 ngày 10/ 11/ 2020 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn T. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (30/ 3/ 2021).

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TX Bỉm Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Bỉm Sơn;
- UBND xã Nga Điền, huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Thị Diệu Thúy